

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách
năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam; Quy định số 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về Thi hành Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;
- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Quyết định 228/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 của UBND phường Long Biên về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 của phường Long Biên;
- Xét đề nghị của kế toán tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách năm 2025 của Văn phòng Đảng ủy phường Long Biên.

(Theo biểu chi tiết đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Đảng ủy, bộ phận kế toán tài vụ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- Lưu.

CHÁNH VĂN PHÒNG
VĂN PHÒNG
Đặng Trung Thành

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định 06 -QĐ/VPĐU ngày 08 tháng 8 năm 2025)

TT	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG DỰ TOÁN	DỰ TOÁN ĐÃ CHI 6 THÁNG	DỰ TOÁN CÒN LẠI ĐƯỢC SỬ
A	Tổng số thu, chi nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí			
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	9.797.653.000	1.585.903.000	8.211.750.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.172.500.000		8.211.750.000
1	Chi quản lý hành chính	2.172.500.000		8.211.750.000
1.1	Kinh phí giao thực hiện tự chủ	2.172.500.000		2.172.500.000
1.1.1	Quỹ tiền lương (Theo mức lương cơ sở 1,49 triệu đồng)	1.420.000.000		1.420.000.000
1.1.2	Kinh phí chi hoạt động theo định mức	752.500.000		752.500.000
1.2	Kinh phí giao không thực hiện tự chủ	7.625.153.000	1.585.903.000	6.039.250.000
1.2.1	Kinh phí hoạt động của Đảng (Gồm: Kinh phí đảm bảo chế độ chính sách của Trung ương, Thành phố; Trao tặng Huy hiệu Đảng, gấp mặt lão thành cách mạng, bảo biểu; Kinh phí duy trì vệ sinh và thuê bảo vệ cơ quan; Chi thông tin liên lạc, điện nước, thuê mượn, vật tư văn phòng đảm bảo cơ sở vật chất trụ sở...)	6.007.153.000	1.507.153.000	4.500.000.000
	Trong đó:			
	Kinh phí đặc thù công tác Đảng (Kinh phí đảm bảo chế độ chính sách của Trung ương, Thành phố; Trao tặng huy hiệu Đảng, gấp mặt lão thành cách mạng, bảo biểu)	1.300.000.000		1.300.000.000
1.2.2	Hỗ trợ hoạt động với tổ dân vận thôn (tổ dân phố) theo Nghị quyết 19/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND thành phố Hà Nội	158.000.000	78.750.000	79.250.000
1.2.3	Kinh phí cải cách tiền lương để đảm bảo quỹ tiền lương chênh lệch (từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng) theo mức lương cơ sở mới quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024	695.000.000		695.000.000
1.2.4	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Quy định tại Nghị định 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ	230.000.000		230.000.000
1.2.5	Kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 46/2024/NQ-HĐND Thành phố (mức 0.5 chi trả hàng tháng theo lương)	535.000.000		535.000.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0		
3	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	0		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0		
5	Chi bảo đảm xã hội	0		
6	Chi hoạt động kinh tế	0		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0		
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0		
II	Nguồn viện trợ	0		
III	Nguồn vốn vay nợ nước ngoài	0		
	Tổng chi	9.797.653.000	1.585.903.000	8.211.750.000